

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN
NÔNG THÔN**

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản
lý xây dựng công trình,*

QUYẾT ĐỊNH:

QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ
Nông nghiệp và Phát triển
nông thôn số 114/2003/QĐ-BNN
ngày 15/10/2003 về việc ban
hành Định mức dự toán công
tác đào móng cống, kênh
mương thủy lợi bằng tổ hợp
máy đào thủy lực trên nền
đất mềm yếu.

**BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

*Căn cứ Nghị định số 86/2003/NĐ-CP
ngày 18/7/2003 của Chính Phủ về chức
năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ
chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển
nông thôn;*

*Căn cứ Nghị định số 52/1999/NĐ-CP
ngày 08/7/1999, số 12/2000/NĐ-CP
ngày 05/5/2000 và số 07/2003/NĐ-CP
ngày 30/01/2003 của Chính phủ về Quy
chế Quản lý đầu tư và xây dựng;*

*Căn cứ Văn bản số 1382/BXD-KTTC
ngày 13/8/2003 của Bộ Xây dựng thỏa
thuận ban hành Định mức dự toán công
tác đào móng cống thủy lợi, kênh mương
trên nền đất yếu bằng tổ hợp máy đào
thủy lực;*

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết
định này, Định mức dự toán công tác đào
móng cống, kênh mương thủy lợi bằng tổ
hợp máy đào thủy lực trên nền đất mềm
yếu.

Điều 2. Định mức dự toán cho công tác
nêu trên chỉ áp dụng đối với thi công xây
dựng công trình thuộc các tỉnh vùng
Đồng bằng sông Cửu Long.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực
sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.
Trong quá trình thực hiện, các đơn vị
cần tổ chức theo dõi việc áp dụng định
mức để có căn cứ tiếp tục hoàn thiện
định mức.

Điều 4. Chánh Văn phòng Bộ; Thủ
trưởng các Cục, Vụ chức năng thuộc Bộ;
Giám đốc các Ban Quản lý dự án; các
Chủ đầu tư và Thủ trưởng các đơn vị có
liên quan chịu trách nhiệm thi hành
Quyết định này./.

KT. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp
và Phát triển nông thôn
Thủ trưởng

PHẠM HỒNG GIANG

ĐỊNH MỨC DỰ TOÁN CÔNG TÁC ĐÀO MÓNG CỐNG, KÊNH MƯƠNG THỦY LỢI BẰNG TỔ HỢP MÁY ĐÀO THỦY LỰC TRÊN NỀN ĐẤT MỀM YẾU

(ban hành kèm theo Quyết định số 114/2003/QĐ-BNN ngày 15/10/2003).

I. QUY ĐỊNH CHUNG

Định mức dự toán công tác đào đất được tính toán tổng hợp theo từng tổ hợp của máy thi công. Trong dây chuyền công nghệ này, dùng các máy đào thủy lực có dung tích gầu 0,8m³ tầm hoạt động trong phạm vi 7 ÷ 8m và máy đào xáng cạp có dung tích gầu 1,25m³. Nếu dùng tổ hợp 2 máy đào thủy lực hoặc tổ hợp 1 máy đào thủy lực + 1 máy đào xáng cạp trong dây chuyền công nghệ gọi là đào trung chuyển 1 lần. Nếu dùng tổ hợp 3 máy đào thủy lực hoặc tổ hợp 2 máy đào thủy lực + 1 máy đào xáng cạp trong dây chuyền công nghệ gọi là đào trung chuyển 2 lần... Kết quả thực hiện của tổ hợp tùy thuộc vào điều kiện cụ thể được xác định theo thiết kế kỹ thuật thi công, do yêu cầu địa chất và khoảng cách vận chuyển cần thiết khu vực sinh lầy.

II. QUY TRÌNH CÔNG NGHỆ

1. Đào bằng tổ hợp 2 máy đào (trung chuyển 1 lần, mỗi máy hoạt động trong phạm vi 7 ÷ 8 m)

1.1. Máy đào thứ nhất: Đào đất nguyên thổ đổ vào vị trí quy định.

1.2. Máy đào thứ hai: Đào chuyển đất đã đào đổ vào vị trí tiếp theo theo yêu cầu thiết kế.

2. Đào bằng tổ hợp 3 máy đào (trung chuyển 2 lần, mỗi máy hoạt động trong phạm vi 7 ÷ 8 m)

2.1. Máy đào thứ nhất: Đào đất nguyên thổ đổ vào vị trí quy định.

2.2. Máy đào thứ hai: Đào chuyển đất đã đào đổ vào vị trí tiếp theo theo yêu cầu thiết kế.

2.3. Máy đào thứ ba: Đào chuyển đất đã đào từ máy đào thứ hai đổ vào vị trí tiếp theo theo yêu cầu thiết kế.

3. Đào bằng tổ hợp 4 máy đào (trung chuyển 3 lần, mỗi máy hoạt động trong phạm vi 7 ÷ 8 m)

3.1. Máy đào thứ nhất: Đào đất nguyên thổ đổ vào vị trí quy định.

3.2. Máy đào thứ hai: Đào chuyển đất đã đào đổ vào vị trí tiếp theo theo yêu cầu thiết kế.

3.3. Máy đào thứ ba: Đào chuyển đất đã đào từ máy đào thứ hai đổ vào vị trí tiếp theo theo yêu cầu thiết kế.

3.4. Máy đào thứ tư: Đào chuyển đất đã đào từ máy đào thứ ba đổ vào vị trí tiếp theo theo yêu cầu thiết kế.

**BE.2000 ĐÀO MÓNG CỐNG THỦY
LỢI TRÊN NỀN ĐẤT MỀM, YẾU
BẰNG TỔ HỢP CÁC MÁY ĐÀO
THỦY LỰC CÓ DUNG TÍCH
GẦU 0,8M³**

Thành phần công việc:

Đào móng cống theo phương pháp đào
chuyển bằng tổ hợp các máy đào thủy lực

có dung tích gầu 0,8m³ đổ đúng nơi quy
định, hoàn thiện hố móng, bạt vữa mái ta
luy, sửa đáy theo đúng yêu cầu kỹ
thuật. Trường hợp tổ hợp sử dụng tấm
chống lầy trong quá trình thi công thì
định mức hao phí máy thi công được
nhân với hệ số 1,15. Hao phí tấm chống
lầy được tính riêng.

Đơn vị tính: 100m³

Mã hiệu	Công tác xây lắp	Thành phần hao phí	Đơn vị	Cấp đất	
				I	II
BE.212	Bằng tổ hợp 2 máy đào	Máy thi công	ca	0,6	0,652
		Máy đào 0,8m ³	công	4,728	5,46
BE.213	Bằng tổ hợp 3 máy đào	Máy thi công	ca	0,9	0,952
		Máy đào 0,8m ³	công	4,728	5,46
BE.214	Bằng tổ hợp 4 máy đào	Máy thi công	ca	1,2	1,252
		Máy đào 0,8m ³	công	4,728	5,46
		Nhân công 3/7		1	2

**BF.2000 ĐÀO KÊNH MƯƠNG TRÊN
ĐẤT MỀM YẾU BẰNG TỔ HỢP
CÁC MÁY ĐÀO THỦY LỰC
CÓ DUNG TÍCH GẦU 0,8M³**

Thành phần công việc:

Đào kênh mương (mới, mở rộng) theo
phương pháp đào chuyển bằng tổ hợp các

máy đào thủy lực có dung tích gầu 0,8 m³
đổ đúng nơi quy định, hoàn thiện kênh
mương, bạt vữa mái ta luy, sửa đáy kênh
mương theo đúng yêu cầu kỹ thuật.
Trường hợp sử dụng tấm chống lầy trong
quá trình thi công thì định mức hao phí
máy thi công được nhân với hệ số 1,15.
Hao phí tấm chống lầy được tính riêng.

Đơn vị tính: 100m³

Mã hiệu	Công tác xây lắp	Thành phần hao phí	Đơn vị	Cấp đất	
				I	II
BF.212	Bảng tổ hợp 2 máy đào	Máy thi công	ca	0,63	0,68
		Máy đào 0,8m ³	công	17,628	28,223
BF.213	Bảng tổ hợp 3 máy đào	Máy thi công	ca	0,945	1,00
		Máy đào 0,8m ³	công	17,628	28,223
BF.214	Bảng tổ hợp 4 máy đào	Máy thi công	ca	1,26	1,315
		Máy đào 0,8m ³	công	17,628	28,223
				1	2

BF.3000 ĐÀO NẠO VẾT HOẶC MỞ RỘNG KÊNH MƯƠNG BẰNG TỔ HỢP MÁY ĐÀO XÁNG CẠP DUNG TÍCH GẬU 1,25 M³ VÀ MÁY ĐÀO THỦY LỰC DUNG TÍCH GẬU 0,8M³

Thành phần công việc:

Đào nạo vét hoặc mở rộng kênh mương bằng máy đào xáng cạp dung tích gầu 1,25m³ đổ đất lên bờ đảm bảo đúng độ sâu hoặc chiều sâu của kênh mương theo yêu cầu của thiết kế, máy

đào thủy lực dung tích gầu 0,8m³ đào chuyển đất đã đào đổ vào vị trí tiếp theo để tạo bờ kênh mương theo yêu cầu thiết kế. Kiểm tra xác định độ sâu và bề rộng đáy kênh mương, hoàn thiện bờ kênh mương sau khi đào, tạo bờ theo yêu cầu thiết kế.

Trường hợp máy đào thủy lực dung tích gầu 0,8m³ phải sử dụng tấm chống lầy trong quá trình thi công thì định mức hao phí máy thi công đối với loại máy đào này được nhân với hệ số 1,15. Hao phí tấm chống lầy được tính riêng.

Đơn vị tính: 100m³

Mã hiệu	Công tác xây lắp	Thành phần hao phí	Đơn vị	Cấp đất	
				I	II
BF.311	Đào nạo vét kênh mương	Máy thi công			
		Máy đào xáng cạp 1,25m ³	ca	0,243	0,301
		Máy đào 0,8m ³	ca	0,3	0,3
		Nhân công 3/7	công	8,82	14,14
BF.312	Đào mở rộng kênh mương	Máy thi công			
		Máy đào xáng cạp 1,25m ³	ca	0,231	0,286
		Máy đào 0,8m ³	ca	0,3	0,3
		Nhân công 3/7	công	8,82	14,14
				1	2

QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn số 115/2003/QĐ-BNN ngày 15/10/2003 về việc ban hành Tiêu chuẩn ngành “Kiểm dịch thực vật”.

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 86/2003/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2003 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Pháp lệnh Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật ngày 08 tháng 8 năm 2002 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 58/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định Điều lệ Bảo vệ thực vật, Điều lệ Kiểm dịch thực vật, Điều lệ Quản lý thuốc bảo vệ thực vật;

Căn cứ Quyết định số 135/QĐ-BNN-KHCN của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành ngày 01/10/1999 về việc ban hành Quy chế lập, xét duyệt và ban hành Tiêu chuẩn ngành;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành Tiêu chuẩn ngành:

10 TCN 582 - 2003: “Quy trình giám